

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TNH23B1**

Năm học: **23-24**

Mã MH/MĐ: **MH02296**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Văn hóa ẩm thực**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2358102064501	Cao Ngọc	Ánh	13/10/2008			8.8	7.0	6.8		9.2		8.4
2	2358102064502	Chung Nhật	Ân	12/06/2008			8.8	6.5	5.6		8.6		7.8
3	2358102064503	Nguyễn Thành	Cang	27/11/2006			7.5	8.5	5.6		10.0		8.9
4	2358102064504	Trương Trần Ngọc	Châu	20/04/2008			7.5	8.0	8.0		0.0		3.2
5	2358102064505	Nguyễn Kim Hiền	Diệu	07/11/2008			8.8	7.0	5.6		9.4		8.4
6	2358102064506	Nguyễn Ngọc	Duy	09/01/2008			7.5	8.0	7.6		9.6		8.9
7	2358102064507	Nguyễn Thị Mỹ	Duy	27/09/2008			9	7.0	7.2		9.2		8.5
8	2358102064508	Võ Lê Thùy	Dương	14/04/2008			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
9	2358102064509	Bùi Thị	Gấm	28/04/2007			8.5	8.0	8.0		9.6		9.0
10	2358102064510	Nguyễn Ngọc	Hân	11/01/2008			7.5	8.0	6.4		9.8		8.8
11	2358102064511	Trần Thị Ngọc	Hân	07/12/2008			9	8.5	7.6		9.8		9.2
12	2358102064512	Hà Văn	Hiếu	25/06/2008			6.5	6.5	8.8		8.1		7.8
13	2358102064513	Trương Nguyễn Huy	Hoàng	11/09/2008			7.5	8.0	6.0		8.5		7.9
14	2358102064514	Nguyễn Thái	Khang	07/09/2008			7	6.5	7.2		0.0		2.8
15	2358102064515	Lê Phương	Lam	19/11/2008			9	7.0	6.4		10.0		8.9
16	2358102064516	Nguyễn Thị Tuyết	Loan	18/05/2007			9	7.5	7.2		7.7		7.7
17	2358102064517	Nguyễn Ngọc Phương	Ly	08/11/2008			8.8	7.0	6.8		8.3		7.9
18	2358102064518	La Nguyễn Bảo	Minh	01/12/2008			9	8.0	8.4		9.8		9.2
19	2358102064519	Bùi Thị Ngọc	Mỹ	27/11/2008			9	7.0	5.6		5.2		5.9
20	2358102064520	Võ Nhật	Ngân	09/01/2008			8.8	7.0	7.6		5.0		6.0
21	2358102064521	Ngô Bảo	Nghi	29/12/2008			8.8	7.0	5.6		8.3		7.7
22	2358102064522	Huỳnh Bảo	Ngọc	24/05/2008			8.5	7.0	6.0		9.1		8.2
23	2358102064523	Phạm Đặng Huỳnh	Ngọc	16/03/2008			9	7.0	6.0		9.1		8.3
24	2358102064524	Nguyễn Văn	Nhon	30/03/2008			9	7.5	4.4		8.8		7.9
25	2358102064525	Lê Thị Huỳnh	Như	19/10/2008			8.8	7.5	6.0		10.0		8.9
26	2358102064526	Trần Minh	Nhựt	11/12/2008			8.8	7.0	8.4		0.0		3.2
27	2358102064527	Võ Thị Kiều	Oanh	28/11/2000			9	9.0	8.8		10.0		9.6
28	2358102064528	Nguyễn Thành	Phát	11/12/2008			8.8	7.5	6.4		5.9		6.5
29	2358102064529	Nguyễn Hồ Thiên	Phúc	05/10/2008			8.8	8.0	5.6		8.1		7.7
30	2358102064530	Nguyễn Trường	Phúc	26/10/2008			7.5	8.0	6.4		8.6		8.1
31	2358102064531	Võ Hoàng Kim	Phụng	11/08/2008			8.8	7.0	8.0		9.6		8.9
32	2358102064532	Trần Thảo	Quyên	09/04/2008			7.5	8.5	6.8		10.0		9.0
33	2358102064533	Lê Minh	Thuận	11/03/2008			8.5	7.8	8.0		7.6		7.8
34	2358102064534	Nguyễn Thị Anh	Thư	17/07/2008			9	9.0	7.6		9.3		9.0
35	2358102064535	Phan Trường	Thương	12/11/2008			9	8.0	8.8		9.8		9.3

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 29 tháng 1 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Đoàn Thị Minh Khánh